

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số : 01/KSMT-DDH-2013/HĐKT

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 5 năm 2013, tại trụ sở tại Văn phòng Công ty Cổ phần thương mại và Khai thác khoáng sản Miền Trung, chúng tôi gồm:

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MIỀN TRUNG**

Đại diện: Ông **Trần Thanh Tùng** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Trụ sở tại: Khu 2 Thị Trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3747629;

Fax: 0510.3747629

Tài khoản: 040019927131

Tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Đại Lộc- Quảng Nam

Mã số thuế: 4000896908

**BÊN B. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐỊA CHẤT - KHOÁNG SẢN DUY ĐỨC HOÀ**

Đại diện: Ông **Bùi Văn Định** Chức vụ: **Giám Đốc**

Địa chỉ: 63, Tôn Thất Thuyết, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113.695243

Fax: 05113.695243

Tài khoản: 10201-000118723-0 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng.

Mã số thuế: 0401407850

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

**Điều 1: Nội dung hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện các công việc liên quan đến việc thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

- Lập đề án thăm dò (để bên A trình cấp có thẩm quyền xin cấp phép thăm dò).

- Thi công đề án thăm dò theo giấy phép thăm dò đã được phê duyệt.

- Trình báo cáo kết quả thăm dò đến cấp có thẩm quyền phê duyệt( Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam), bảo vệ kết quả thăm dò và chỉnh sửa báo cáo theo nhận xét của hội đồng xét duyệt.

- Sản phẩm bên B giao cho bên A:
- + Đề án thăm dò, các bản vẽ kèm theo (07 bộ)
- + Báo cáo thăm dò, các bản vẽ kèm theo (08 bộ)
- Thời gian thực hiện hợp đồng
- + Lập đề án thăm dò: 5 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Thi công đề án thăm dò mỏ: 25 ngày, kể từ ngày có giấy phép thăm dò và bên A làm việc xong với chính quyền địa phương, thống nhất cho phép thi công đề án thăm dò.

Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ đợi cấp giấy phép thăm dò, thẩm định báo cáo kết quả thăm dò theo quy định của Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

## **Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên**

### **+ Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

- Cung cấp cho bên B các tài liệu, văn bản liên quan đến việc cho phép thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

- Phối hợp với bên B trong việc ký các loại tài liệu và giao nộp tài liệu tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Trình đề án thăm dò, ở cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhận giấy phép thăm dò giao cho bên B.

- Nộp các loại lệ phí về thăm dò mỏ, phê duyệt trữ lượng mỏ cho các cơ quan nhà nước theo quy định hiện hành.

- Làm việc với chính quyền địa phương để thi công thăm dò.

- Đền bù hoa màu (nếu có) đối với những công trình thăm dò trên thực địa.

- Cử người giám sát việc thi công thăm dò, tham dự hội đồng thẩm định đề án và báo cáo thăm dò (nếu có yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Nghiệm thu và thanh toán cho bên B đúng thời hạn.

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng, đồng thời yêu cầu Bên B hoàn trả 100% giá trị đã ứng cho Bên B nếu Bên B không tiến hành công việc đúng tiến độ như đã cam kết nêu ở điều 1. (Trừ trường hợp bất khả kháng - Mưa bão kéo dài, các vướng mắc liên quan đến đền bù, và các yêu cầu khác do địa phương tại vị trí thăm dò, phải tạm ngừng thi công và đã thông báo bằng văn bản cho bên B).

### **+ Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B**

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung công việc và tiến độ tại Điều 1.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng tài liệu theo quy định hiện hành.

- Bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng nếu Bên A không thực hiện đúng trách nhiệm như đã cam kết và yêu cầu bên A bồi thường các chi phí đã thi công đến thời điểm dừng.

### Điều 3: Giá trị hợp đồng và thể thức thanh toán.

- Giá trị hợp đồng được hai bên thoả thuận là: 561.500.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*) Chi tiết trong bảng dự toán kèm theo. (giá trị này có thể thay đổi khi đề án được duyệt; nếu có thay đổi hai bên sẽ ký phụ lục kèm theo hợp đồng này). Xem phụ lục kèm theo.

- Thể thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo các đợt sau:

+ Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng, **Bên A** cho **Bên B** tạm ứng số tiền 220.000.000 đồng, (*Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).

+ Đợt 2: Sau khi có giấy phép thăm dò trước khi triển khai thi công tại thực địa **Bên A** cho **Bên B** tạm ứng tiếp số tiền 220.000.000 đồng. (*Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).

+ Đợt 3: Số tiền còn lại là: 121.500.000 đồng. (*Một trăm hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*) bên A sẽ thanh toán cho **Bên B** sau khi:

a. Báo cáo thăm dò đã được phê duyệt bởi Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Quảng Nam và các cơ quan chủ quản.

b. Hai bên ký thanh lý hợp đồng và bên B bàn giao đầy đủ tài liệu cho bên A.

### Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các điều khoản trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác.

Mọi tranh chấp vướng mắc không thể tự giải quyết bằng đàm phán trực tiếp thì một trong hai bên có quyền đưa ra tòa án kinh tế tỉnh Quảng Nam để giải quyết. Phán quyết của tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên phải nghiêm chỉnh chấp hành, mọi chi phí do bên sai chịu.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

#### ĐẠI DIỆN BÊN B



Bùi Văn Định

#### ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Thanh Tùng

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**  
( Hợp đồng kinh tế Số 01/KSMT-DDH-2013/HĐKT )

TT	Nội dung các hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ THĂM DÒ (I+II+III)</b>				<b>462,282,185</b>
<b>I</b>	<b>Khảo sát thực địa-lập đề án (II*4,89%)</b>	<b>ĐỀ ÁN</b>	<b>1</b>		<b>19,818,398</b>
<b>II</b>	<b>THI CÔNG ĐỀ ÁN</b>				<b>405,284,219</b>
<b>II.1</b>	<b>Công tác trắc địa</b>				<b>43,202,861</b>
1	Thành lập lưới giải tích 1 bằng công nghệ GPS	Điểm	2	5,952,004	11,904,008
2	Thành lập lưới đường sườn kinh vĩ trực tiếp	Km	1.0	4,984,861	4,984,861
3	Đo bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1000				
-	Ngoại nghiệp	Km <sup>2</sup>	0.037	86,462,353	3,199,107
-	Nội nghiệp	Km <sup>2</sup>	0.037	13,748,208	508,684
4	Đưa công trình ra thực địa	Điểm	7.00	1,493,549	10,454,843
5	Đo công trình vào bản đồ	Điểm	7.00	1,429,236	10,004,652
6	Định tuyến thăm dò 20-50m	Km	0.80	2,683,384	2,146,707
<b>II.2</b>	<b>Công tác địa chất tỷ lệ 1:1.000</b>				<b>20,098,981</b>
	Ngoài trời	Km <sup>2</sup>	0.037	250,679,946	9,275,158
	Trong phòng	Km <sup>2</sup>	0.037	292,535,761	10,823,823
<b>II.3</b>	<b>Công tác ĐCTV -ĐCCT</b>				<b>9,824,057</b>
1	Quan trắc đơn giản lỗ khoan	lần	7	209,224	1,464,568
2	Thu thập tài liệu khí tượng	lần	1	5,000,000	5,000,000
3	Lấy mẫu cơ lý đá	mẫu	8	258,636	2,069,091
4	Lấy mẫu cơ lý đất	mẫu	3	203,204	609,613
5	Lấy mẫu nước	mẫu	2	340,393	680,785
<b>II.4</b>	<b>Công tác khoan</b>				<b>227,342,750</b>
<b>1</b>	<b>Công tác khoan</b>		190		<b>200,910,590</b>
-	Đất đá cấp I-III	mét	40	548,648	21,945,920
-	Đất đá cấp V	mét	30	863,521	25,905,630
	Đất đá cấp VII		40	1,394,677	55,787,080
-	Đất đá cấp VIII	mét	80	1,913,238	153,059,040
<b>2</b>	<b>Công tác lấy mẫu khoan</b>		160		<b>26,432,160</b>
-	Đất đá cấp V	mét	40	129,906	5,196,240
-	Đất đá cấp VII-VIII	mét	120	176,966	21,235,920
<b>II.5</b>	<b>Lấy-gia công- Phân tích mẫu</b>				<b>44,612,736</b>
<b>1</b>	<b>Gia công mẫu</b>				<b>1,501,938</b>
-	Gia công mẫu lát mỏng	mẫu	4	73,794	295,176
-	Mẫu hoá Silicat	mẫu	4	48,548	194,192
	Mẫu nén đập trong xilanh	mẫu	1	100,000	100,000

THỰC KỲ

	Mẫu mài mòn tang quay Los Angeles	mẫu	1	100,000	100,000
	Mẫu hệ số dẹt	mẫu	1	100,000	100,000
	Mẫu bám nhựa đường	mẫu	1	100,000	100,000
-	Phân loại trọng sa	mẫu	2	306,285	612,570
<b>2</b>	<b>Phân tích mẫu</b>				<b>43,110,798</b>
-	Phân tích lát mỏng	mẫu	3	650,872	1,952,616
-	Mẫu hoá Silicat (SiO <sub>2</sub> , Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , FeO, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , TiO <sub>2</sub> , CaO, MgO, MnO, P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> , SO <sub>3</sub> , MKN)	mẫu	2	914,024	1,828,048
-	Mẫu bám dính nhựa đường	mẫu	1	1,000,000	1,000,000
-	Mẫu hệ số dẹt	mẫu	1	500,000	500,000
-	Mẫu mài mòn tang quay	mẫu	1	1,000,000	1,000,000
-	Mẫu nén đập trong xilanh	mẫu	1	500,000	500,000
-	Phân tích trọng sa	mẫu	2	614,231	1,228,463
-	Phân tích mẫu cơ lý đá xác định các chỉ tiêu	mẫu	8	3,617,043	28,936,344
-	Phân tích cơ lý đất	mẫu	3	1,575,360	4,726,080
-	Phân tích hóa nước, vi sinh	mẫu	2	719,623	1,439,247
<b>II.6</b>	<b>Số hóa bản đồ các loại</b>	Mảnh	4	4,273,009	<b>17,092,036</b>
<b>III</b>	<b>LẬP BÁO CÁO TỔNG KẾT</b>				<b>37,179,567</b>
1	<b>Lập báo cáo tổng kết (II*7,94)</b>	B/cáo	1		32,179,567
2	Can in nộp lưu trữ	Bộ	10	500,000	5,000,000
<b>B</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>20,434,233</b>
-	Chuyển quân, vận chuyển thiết bị (khái toán)	Lần	2	1,500,000	3,000,000
-	Chi phí thẩm định, xét duyệt đề án báo cáo (A*1,5%)	Bộ	15		6,934,233
-	Làm nền khoan + tháo lắp vận chuyển thiết bị khoan- (không làm đường) - (khái toán)		7	1,500,000	10,500,000
<b>C</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước (6% A)</b>				<b>27,736,931</b>
<b>D</b>	<b>Cộng (A+B+C)</b>				<b>510,453,349</b>
<b>E</b>	<b>Thuế VAT (C)*10%</b>				<b>51,045,335</b>
	<b>Tổng cộng (C+D+E)</b>				<b>561,498,683</b>
	<b>Làm tròn</b>				<b>561,500,000</b>